

Bản án số: 432/2021/DS-PT

Ngày: 22/11/2021

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mạnh Cẩm Yên

Các Thẩm phán:

Ông Trương Chí Anh

Ông Lê Thanh Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2021/DSPT ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc “*tranh chấp đòi tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2021/QĐXX-PT ngày 01/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 541/2021/QĐHPT-PT ngày 15/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phùng T L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn Lai Bò, thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn K H, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn Đông, thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

2. Ông Phùng C S, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn Đoài, thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đ Đ, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn Đông, thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

2. Ông Nguyễn B S, sinh năm 1958.

3. Ông Nguyễn B L, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: Thôn Nam, thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

4. Ông Hoàng B M, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn Lai Bò, thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

5. Ông Nguyễn V N, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn Vân Trai, thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Bà Phùng T L là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Phùng T L trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Quang Tuế, sinh năm 1960. Khi còn sống, ông Tuế có tham gia hội nhóm cùng các ông Hợi, Đạo, Sửu, Luận, Sỹ, Minh, Nhượng do trước đây cùng đi làm công nhân khu Gang thép Thái Nguyên. Quy định về hoạt động của hội nhóm như thế nào bà không nắm được. Năm 2003, ông Tuế chết, bà không nhớ ai là người nói chuyện nhưng nội dung nói về việc hàng năm 8 thành viên hội nhóm gồm các ông bà có tên trên và chồng bà trước đó có tham gia mỗi người đóng góp giá trị bằng 1 chỉ vàng, thả lãi 1%, người nhận tiền đóng góp của các thành viên là ông Hợi. Khi nào con của các thành viên có đóng góp kết hôn thì hội nhóm sẽ tặng quà giá trị bằng 2 chỉ vàng. Tiền gốc đóng góp, tiền lãi không trao đổi gì nhưng bà nghĩ sẽ được trả làm một lần. Ngày 08 tháng giêng Âm lịch năm 2004 là ngày khai xuân, các thành viên họp nhóm có mặt ăn uống tại nhà ông Hợi, bà thực hiện việc đóng góp đầu tiên số tiền 300.000 đồng tương đương giá trị 1 chỉ vàng theo thỏa thuận, ông Hợi là người nhận tiền. Việc giao nhận tiền không lập thành văn bản, giấy tờ gì nhưng đều có mặt đủ 08 thành viên hội nhóm, ngoài ra không có ai khác. Khoảng 3 đến 4 tháng sau đó, hội nhóm có họp mặt, có người trong hội nhóm nói trước khi chết ông Tuế chồng bà có vay của ông Sỹ 1 triệu đồng và của hội nhóm là 2 triệu đồng. Vài tháng sau, bà có mang trả ông Sỹ số tiền 1 triệu đồng và trả cho hội nhóm 2 triệu đồng. Ông Hợi là người nhận tiền của hội nhóm. Khi giao nhận tiền đều không lập thành văn bản, giấy tờ nhưng có đủ 08 thành viên của nhóm. Từ năm 2004 đến năm 2016, đều đặn vào các ngày 08 tháng giêng hàng năm, các thành viên hội nhóm tổ chức ăn uống luân phiên tại nhà các thành viên nhóm, bà thực hiện việc đóng góp cho ông Hợi số tiền tương ứng với 1 chỉ vàng vào thời điểm đóng góp.

Khoảng năm 2010, con trai lớn của bà là Nguyễn Quang Tuệ kết hôn nhưng do tranh chấp trong gia đình, bà đề nghị hội nhóm không tặng quà cho con trai bà mà cho bà nhận trực tiếp, khi nào phù hợp bà sẽ cho con bà sau. Hội nhóm nhất trí không trao quà cho cháu khi kết hôn. Đến ngày 08 tháng giêng năm 2017 hội nhóm trao cho

bà số tiền tương đương giá trị 02 chỉ vàng là quà kết hôn của con bà. Sau đó bà có hỏi xin lại tiền gốc, tiền lãi đã đóng góp để xem có tiếp tục theo hội nhóm nữa được không, nếu không thì dừng lại. Khi đó 07 thành viên đều nói giao giá trị 02 chỉ vàng cho bà là xong, không còn tiền gốc, tiền lãi nào cả. Từ đó bà không đóng góp tiền vào nhóm nữa. Vào ngày 08 tháng giêng các năm 2018, 2019 bà vẫn đến nhà thành viên hội nhóm họp mặt để nói chuyện về số tiền đã đóng góp nhưng tất cả thành viên hội nhóm đều không tiếp chuyện. Nay bà yêu cầu ông Nguyễn K H hoàn trả bà 10 chỉ vàng và 2.000.000 đồng bà trả nợ, yêu cầu ông Sỹ trả cho bà 1.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn K H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày:

Các ông có thành lập và hoạt động hội nhóm từ năm 2000, thành viên gồm 07 người và ông Nguyễn Quang Tuất là chồng bà Phùng T L. Tiêu chí hoạt động của hội nhóm là có đóng góp quỹ hội để thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau, nếu quỹ hội có dư thì thành viên hội có thể vay tạm và trả lãi 1% nhưng phải quyết toán vào ngày 08 tháng Giêng Âm lịch. Hội nhóm thống nhất là con của thành viên nào trong hội nhóm kết hôn sẽ tặng quà trị giá 2 chỉ vàng từ quỹ đóng góp của các thành viên. Toàn bộ việc đóng góp, hoạt động quỹ hội thể hiện trong văn bản hội hương do trưởng nhóm là ông Nguyễn B S viết, sổ ghi chép hằng năm do ông Nguyễn K H thực hiện. Ban đầu thành viên trong hội đóng góp mỗi người là 100.000 đồng/năm và thực hiện trong nhiều năm, sau đó đến năm 2008 thì các con của thành viên trong hội kết hôn nhiều nên mức đóng góp có tăng lên và đóng góp bổ sung ngay trước công việc phát sinh của các thành viên trong nhóm. Việc đóng góp có sổ sách ghi chép lại, hoàn toàn không có việc đóng góp tiền hàng năm bằng 1 chỉ vàng và cho vay như bà Lập trình bày. Bà Lập tham gia hội nhóm từ năm 2004 sau khi ông Tuất chết. Quà tặng cưới con bà Lập là 02 chỉ vàng đã được hội nhóm chi trả cho bà Lập vào năm 2015, khi chi trả cũng quyết toán xong toàn bộ quỹ hội vào thời điểm đó. Chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các ông giao nộp cho Tòa án là bản sao từ bản gốc Văn bản họp hội hương và 21 trang ghi chép của ông Nguyễn K H theo dõi việc đóng góp và chi tiêu quỹ hội. Bà Phùng T L khởi kiện đòi tiền là không đúng, do vậy các ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lập.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng T L đòi ông Nguyễn K H trả cho bà 10 chỉ vàng trị giá 55.000.000 đồng và 2.000.000 đồng. Yêu cầu ông Sỹ trả bà 1.000.000 đồng

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm nguyên đơn bà Phùng T L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bà Vì yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo buộc bị đơn phải thanh toán cho bà giá trị 10 chỉ vàng theo giá vàng tại thời điểm giải quyết vụ án và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Bị đơn giữ nguyên lời khai như đã trình bày tại Tòa án và không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật;

- Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì về việc xác định lại tư cách tố tụng của đương sự, xác định ông Phùng C S là bị đơn trong vụ án và sửa lại án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo và biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của bà Phùng T L nộp trong hạn luật định nên hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Về xác định tư cách tố tụng trong vụ án, tại đơn khởi kiện ngày 12/5/2020 bà Lập khởi kiện buộc ông Nguyễn K H trả lại bà 10 chỉ vàng, quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Lập thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông Hời trả cho bà 10 chỉ vàng và 2.000.000 đồng, buộc ông Phùng C S trả cho bà 1.000.000 đồng, vì vậy cần xác định bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn K H và ông Phùng C S.

[2]. Về nội dung:

Các ông Nguyễn Quang Tuế (đã chết năm 2003 là chồng bà Phùng T L), ông Nguyễn K H, Nguyễn Đ Đ, Nguyễn B S, ông Nguyễn B L, ông Phùng C S, ông Hoàng B M, ông Nguyễn V N là hội hương do cùng nhau làm việc tại Công ty Gang thép Thái Nguyên. Các thành viên trong hội cùng nhau thống nhất đóng góp quỹ hội để thăm hỏi nhân thân và hoạt động hội. Năm 2004 bà Lập tham gia hội thay ông Tuế sau khi ông Tuế chết.

Bà Lập kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông Hợi phải trả cho bà 10 chỉ vàng tương đương với số tiền 55.000.000 đồng và 2.000.000 đồng, buộc ông Sỹ trả cho bà 1.000.000 đồng vì cho rằng đây là số tiền bà đã đóng vào quỹ hội mỗi năm 1 chỉ vàng, còn số tiền 2.000.000 đồng là bà trả nợ cho ông Tuế chồng bà vay của hội, 1.000.000 đồng là trả nợ cho ông Sỹ thay chồng bà. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà. Tại các lời khai bà trình bày, việc đóng góp không có văn bản, giấy tờ gì, về việc đóng góp quỹ hội nhóm, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp cho Tòa án Văn bản họp hội hương và 21 trang ghi chép theo dõi thu chi quỹ hội, nội dung thể hiện số tiền đóng góp quỹ hội từ năm 2003 đến năm 2007 mỗi người 100.000 đồng, từ năm 2008 là 200.000 đồng, năm 2009 là 500.000 đồng đợt 1, bổ sung đợt 2 là 100.000 đồng; năm 2011 là 500.000 đồng đợt 1, bổ sung đợt 2 là 200.000 đồng; năm 2012, 2013, 2014 mỗi năm là 500.000 đồng. Quỹ hội đóng góp và tiền lãi cho vay từ quỹ hội đều được chốt số dư chuyển sang năm sau, sử dụng vào việc thăm hỏi ốm đau. Năm 2015 quỹ ghi chép bà Nhật (tên gọi khác của bà Lập) là người cuối cùng nhận 02 chỉ vàng là 6.340.000 đồng. Bà Lập cũng xác nhận đã được nhận 02 chỉ vàng cưới con từ quỹ hội. Sau đó, bà Lập không tham gia hội nhóm nữa.

Yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà Lập là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, tuy nhiên bà Lập là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên bà Lập không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, 201, 202, Khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 278, 280, 351, 373, 471 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

* Xứ: Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DSST ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội về xác định tư cách tố tụng và án phí.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phùng T L đối với bị đơn là ông Nguyễn K H và ông Phùng C S về việc buộc ông Nguyễn K H phải trả 10 chỉ vàng và 2.000.000 đồng, buộc ông Phùng C S phải trả cho bà 1.000.000 đồng.

2. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phùng T L, hoàn trả bà Lập 900.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00529 ngày 28/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì.

Bà Lập không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả bà Lập 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0059602 ngày 20/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Ba Vì;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Mạnh Cẩm Yến